

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 21/5/2020
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Hòa và ông Lò Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H; Sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Bản X, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Vì Văn L; Sinh năm: 1983;
Địa chỉ: Bản X, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 16/01/2020, chị H nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vì Văn L và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của hai anh chị là các cháu: Vì Thị Thu H1 sinh ngày 19/9/2012, Vì Thị Thu H2 sinh ngày 13/6/2015. Chị H có nguyện vọng được ly hôn với anh L vì anh L nghiện ma túy, hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã. Về con chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình thụ lý giải quyết anh L không có yêu cầu phản tố gì. Anh L không đồng ý ly hôn với chị H vì tình cảm vẫn còn, Anh L thừa nhận có sử dụng ma túy

nhưng nay không còn sử dụng nữa, anh L cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn không chỉ do anh sử dụng ma túy mà còn do chị H có tình cảm với người khác. Trong trường hợp phải ly hôn anh L cũng nhất trí để chị H nuôi cả hai cháu dù trước đây có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh L khai thống nhất việc anh và chị về chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L sử dụng chất ma túy. Hai anh chị cũng được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không được, hiện đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2019. Hai anh chị có hai con chung là cháu Vì Thị Thu H1 và Vì Thị Thu H2. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện hai cháu đều ở cùng chị H. Về tài sản và nợ các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L cho rằng chị H có tình cảm với người khác nhưng không có chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình. Chị H không thừa nhận ý kiến này của anh L.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2020 cháu Vì Thị Thu H1 trình bày khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải cho hai bên đương sự thống nhất giải quyết vụ việc. Ngày 28/4/2020 các bên đã thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn và hòa giải thành. Tuy nhiên đến ngày 04/5/2020 anh L có đơn thay đổi ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn tại nơi cư trú của hai vợ chồng được biết: Hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hiện không còn chung sống với nhau, ly thân từ tháng 12 năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh L và chị H do bất đồng quan điểm, không quan tâm, tôn trọng, chăm sóc nhau. Hai anh chị có hai con chung là cháu Hà và cháu Hường, hiện hai cháu đều đang ở với chị H

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử cho chị H được ly hôn với anh L; Căn cứ các điều 69, khoản 1, 2 điều 81, điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Hà và cháu Hường cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn cho chị H tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 16/01/2020 chị Lò Thị H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Vì Văn L, nơi đăng ký thường trú: Bản X, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị H có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 16/01/2020 chị H được miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lò Thị H và anh Vì Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Vì Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phu Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 23/10/2014, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện chị H và anh L đã ly thân không còn ở cùng nhau, không quan tâm, tôn trọng và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh L có sử dụng chất ma túy và do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hòa giải, hàn gắn cho anh chị nhưng không thành. Những nội dung trên có nội dung các bên đều thừa nhận, có nội dung Ủy ban nhân dân xã Phu Luông, huyện Điện Biên đã xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai bên đương sự đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho ly hôn giữa chị H với anh L.

Về con chung: Chị H và anh L có hai con chung là Vì Thị Thu H1 sinh ngày 19/9/2012, Vì Thị Thu H2 sinh ngày 13/6/2015. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu là phù hợp với đặc điểm tâm lý, giới tính và điều kiện của các cháu, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà, anh L; Hiện các cháu đều đang ở với chị H ổn định, chị H đang đi làm thuê, có thu nhập đủ để đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với qui định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu H1, anh L nên căn cứ các qui định tại điều 58, khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu H1 và cháu H2 cho

chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Án phí: Chị H là cá nhân thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị H có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án cho chị H theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị H, cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Vi Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Vi Thị Thu H1 sinh ngày 19/9/2012, Vi Thị Thu H2 sinh ngày 13/6/2015 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/5/2020).

Nơi nhận:

- VKSND HĐB;
- UBND xã Phú Lương;
- Chi cục THADS HĐB;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc